

Số: 50/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi ✓

tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 phần quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.
2. Những nội dung chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan khác có liên quan.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT, TÀI SẢN VÀ VẬT NUÔI

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất (điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP))

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng xác định hoặc thuê đơn vị tư vấn, cùng UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã); đại diện bản, tổ dân phố, tiểu khu; các phòng, ban chức năng có liên quan cấp huyện và người sử dụng đất tiến hành kiểm tra, xác định hiện trạng khu đất trước và sau khi đầu tư; xác định khối lượng đầu tư thực tế; thống nhất các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại; căn cứ đơn giá, định mức theo quy định, có tính đến tỷ lệ thời hạn sử dụng đất còn lại (đối với tổ chức) so với thời hạn sử dụng đất theo khoản 4 Điều

3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP tại thời điểm có quyết định thu hồi đất (trường hợp chưa có định mức quy định thì sử dụng định mức tương tự) để lập dự toán giá trị đầu tư vào đất còn lại gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng (phòng Quản lý đô thị đối với thành phố) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) phê duyệt làm căn cứ lập phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Trường hợp không còn hiện trạng, không xác định được chi phí đầu tư vào đất còn lại thì chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng một (01) lần giá đất trong Bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định của loại đất thu hồi tại thời điểm thu hồi đất, có tính đến tỷ lệ thời hạn sử dụng đất còn lại (đối với tổ chức) so với thời hạn sử dụng đất theo khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 4. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở (khoản 2, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 mà trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi nếu có nhu cầu tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quỹ đất ở, nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương quyết định việc giao đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình đủ điều kiện tách hộ theo Luật Cư trú, diện tích đất ở, nhà ở tái định cư giao cho từng hộ gia đình theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quy hoạch khu tái định cư được phê duyệt. Giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất thực hiện theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất. Giá nhà ở tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 5. Xử lý một số trường hợp khi thu hồi đất ở

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có diện tích một (01) thửa đất ở hợp pháp bị thu hồi bằng hoặc lớn hơn diện tích hai (02) thửa đất quy hoạch khu tái định cư, mà có đề nghị bồi thường bằng đất ở thì tùy theo quỹ đất của địa phương và giá trị đất ở được bồi thường, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định diện tích đất ở tái định cư, cụ thể như sau:

a) Trường hợp thửa đất ở bị thu hồi có giá trị nhỏ hơn giá trị 02 thửa đất ở khu quy hoạch tái định cư thì được bồi thường 01 thửa đất ở khu quy hoạch tái

định cư được phê duyệt.

b) Trường hợp thửa đất ở bị thu hồi có giá trị lớn hơn hoặc bằng giá trị 02 thửa đất ở quy hoạch khu tái định cư thì được bồi thường không quá 02 thửa đất ở khu quy hoạch tái định cư được phê duyệt.

2. Trường hợp sau khi Nhà nước thu hồi mà diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn hạn mức giao đất ở nhưng bằng hoặc lớn hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp quy hoạch, thì các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

3. Trường hợp thu hồi đất ở, đất sản xuất nông nghiệp thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư thì căn cứ vào điều kiện về quỹ đất của địa phương, quy hoạch chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để bồi thường về đất (đất ở, đất sản xuất nông nghiệp) bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi.

Điều 6. Bồi thường cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng (khoản 3 và khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng thì được bồi thường bằng việc Nhà nước cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng theo quy hoạch với thời hạn sử dụng đất còn lại của loại đất thu hồi, nhưng không vượt quá diện tích đất thu hồi. Nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền theo quy định sau:

a) Trường hợp tiền bồi thường về đất lớn hơn tiền đất tại nơi cho thuê đất thì được nhận phần chênh lệch đó.

b) Trường hợp tiền bồi thường về đất nhỏ hơn tiền đất tại nơi cho thuê đất thì phải nộp phần chênh lệch.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất. Giá bán nhà ở tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (khoản 1 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình. Nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị nhà, công trình theo thực tế, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại về tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP)

1. Đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

a) Đối với đất ở, các loại đất khác (trừ điểm b, điểm c khoản này) trong cùng thửa đất với đất ở và đất phi nông nghiệp không phải đất ở thì được bồi thường bằng 80% giá đất cụ thể bồi thường về đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang đủ điều kiện được bồi thường.

b) Đất trồng cây lâu năm, đất rừng trồng sản xuất đủ điều kiện được bồi thường thì được bồi thường bằng 50% giá đất cụ thể bồi thường về đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

c) Đất trồng cây hàng năm đủ điều kiện được bồi thường thì được bồi thường bằng 30% giá đất cụ thể, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

2. Đối với đất thuộc hành lang bảo vệ của các công trình còn lại

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền, mức bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường đối với diện tích đất ở và các loại đất khác (trừ đất trồng cây hàng năm) tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng.

3. Khi hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng thì phần diện tích đất còn lại cũng được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 100% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp không có trong đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị nhà, công trình theo thực tế, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì hỗ trợ như quy định tại điểm 9.2 và điểm 9.3 khoản 9 Điều 21 Quy định này.

Điều 9. Phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng đất nhưng không có giấy tờ xác định diện tích sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (khoản 2 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất có biên bản (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã) thống nhất phân chia tiền bồi thường thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả cho các đối tượng theo sự thống nhất ghi nhận tại biên bản.

2. Trường hợp các đối tượng không có ý kiến về cách chia và không có biên bản thống nhất phân chia tiền bồi thường thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện chia đều giá trị tiền bồi thường cho từng đối tượng để chi trả.

3. Trường hợp các đối tượng chưa có sự thống nhất với sự phân chia của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển toàn bộ số tiền bồi thường vào Kho bạc Nhà nước cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì họp thống nhất phân chia giữa các đối tượng hoặc căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật để chi trả cho các đối tượng đồng quyền sử dụng đất. 

Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người (điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng thì hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở tại khu quy hoạch tái định cư theo hạn mức giao đất ở quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế, đánh giá hiện trạng khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người để quyết định các trường hợp di dời và thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Điều 11. Mức bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, có sự tham gia của người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để tiến hành thống kê, đo đạc, xác định khối lượng và lập dự toán chi phí các hạng mục tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế tại thời điểm thu hồi; gửi phòng chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức bồi thường bằng dự toán chi phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 12. Bồi thường di chuyển khi nhà nước thu hồi đất (khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai năm 2013)

1. Bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Di chuyển trong phạm vi dưới 20 km: 5.000.000 đồng/hộ;

b) Di chuyển trong phạm vi từ 20 km đến dưới 50km: 7.000.000 đồng/hộ;

c) Di chuyển trong phạm vi từ 50 km trở lên: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với tổ chức

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với tổ chức bị thu hồi đất lập dự toán chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, tổng hợp trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất nếu có thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải

phóng mặt bằng phối hợp với chủ sử dụng đất và các đơn vị có liên quan lập biên bản xác định cụ thể mức độ thiệt hại. Trên cơ sở biên bản xác định mức độ thiệt hại, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng lập dự toán, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để làm căn cứ áp giá lập phương án bồi thường.

Điều 13. Bồi thường di chuyển mồ mả (Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân có mồ mả, khi nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường di chuyển mồ mả. Mức bồi thường cụ thể như sau:

a) Mộ xây: 6.500.000 đồng/mộ;

b) Mộ không xây: 4.000.000 đồng/mộ.

c) Đối với mộ xây có quy mô lớn hoặc kiến trúc cầu kỳ: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư dự án lập dự toán gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ áp giá lập phương án bồi thường.

d) Trường hợp theo phong tục, tập quán, hộ gia đình, cá nhân không thực hiện di chuyển thì cũng được hưởng chính sách bồi thường quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này để làm thủ tục theo phong tục, tập quán. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo phong tục tập quán của từng vùng; thuê di chuyển hoặc tự di chuyển đến nơi quy định, được chi trả chi phí di chuyển bằng mức bồi thường di chuyển mồ, mả quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Đối với mộ vô thừa nhận

a) Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn nơi quy tập.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo phong tục tập quán của từng vùng; thuê di chuyển hoặc tự di chuyển đến nơi quy định, được chi trả chi phí di chuyển bằng mức bồi thường di chuyển mồ, mả quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản tại thời điểm thu hồi đất chưa đến kỳ thu hoạch (điểm b khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013)

1. Đối với vật nuôi là thủy sản, tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch mà bị thiệt hại thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; mức bồi thường bằng khối lượng (kg) thủy sản đánh bắt thực tế (nhưng không vượt quá định mức kỹ thuật quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) nhân (x) với giá thủy sản trên thị trường tại thời điểm thu hồi. Trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 Quy định này và bồi thường thiệt hại thực tế do di chuyển gây ra (bằng khối lượng (kg) thủy sản thiệt hại thực tế nhân (x) với giá thủy sản trên thị trường tại thời điểm vận chuyển).

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát, xác nhận khối lượng (kg) thủy sản đánh bắt thực tế hoặc khối lượng (kg) thủy sản thiệt hại thực tế khi vận chuyển do người sử dụng đất thực hiện; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thu thập thông tin, xác định giá thủy sản trên thị trường gửi cơ quan tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ áp giá lập phương án bồi thường.

3. Trường hợp khi thu hồi một phần diện tích của thửa đất (ao nuôi trồng thủy sản) mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ quy hoạch, ảnh hưởng đến toàn bộ diện tích ao nuôi thì thực hiện bồi thường thủy sản đối với toàn bộ ao nuôi.

Chương III **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Điều 15. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở, mà tự lo chỗ ở (khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở, mà tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất theo quy định còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư, cụ thể:

- a) Đối với các phường thuộc thành phố Sơn La: 100.000.000 đồng/hộ.
- b) Đối với thị trấn thuộc huyện, khu vực trung tâm hành chính các huyện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 80.000.000 đồng/hộ.
- c) Các xã thuộc thành phố Sơn La, các huyện: 60.000.000 đồng/hộ.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tách ra từ hộ chính chủ được bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, nếu không có nhu cầu nhận đất tái định cư thì được hỗ trợ 50% mức quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này cho mỗi thửa đất tái định cư không nhận.

3. Hỗ trợ tái định cư tại chỗ

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, phải phá dỡ nhà ở để xây dựng lại trên phần diện tích đất ở còn lại đủ điều kiện để ở (lớn hơn hoặc bằng diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh) thì được hỗ trợ tái định cư tại chỗ như sau:

a) Hộ chính chủ: Bằng 50% mức quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì ngoài hộ chính chủ được hỗ trợ theo điểm a, khoản này, 

các hộ còn lại đủ điều kiện tách thành từ hộ gia đình riêng được hỗ trợ tái định cư tại chỗ bằng 30% mức quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 16. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước mà phải di chuyển chỗ ở (Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng mức bồi thường di chuyển quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Quy định này.

Điều 17. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn (Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn không được bồi thường nhưng được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của cấp xã và chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã.

2. Người đang sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường về đất, nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có) khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này; bồi thường thiệt hại về tài sản tạo lập hợp pháp theo số lượng thống kê, kiểm đếm thực tế tính bằng đơn giá bồi thường tài sản quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT)

1. Hộ gia đình, cá nhân bị nhà nước thu hồi đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, thực hiện như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 24 tháng.

b) Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ ổn định đời sống nêu tại điểm 1.1 và điểm 1.2 khoản 1 Điều này như sau

Hỗ trợ bằng tiền tương đương với 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Giá gạo tính hỗ trợ là giá gạo tẻ trung bình ở địa phương tại thời điểm hỗ trợ. Đối với hộ chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nếu được bồi thường bằng đất thì ngoài việc được bồi thường bằng đất nông nghiệp còn được hỗ trợ ổn định sản xuất, cụ thể như sau

a) Đất trồng cây hàng năm hỗ trợ 100% giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt trong 2 vụ. Mức hỗ trợ tính theo diện tích đất bị thu hồi. Loại cây trồng và định mức giống gieo trồng xác định theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm, cây công nghiệp lâu năm được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư bao gồm: Giống, công trồng, công chăm sóc, phân bón vô cơ, thuốc trừ sâu, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. Mức hỗ trợ tính theo diện tích đất bị thu hồi nhưng không quá 01 ha/hộ và theo quy trình kỹ thuật của từng loại cây trồng.

3. Các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 3 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh đang hoạt động mà bị thu hồi đất, phải tháo dỡ một phần công trình, gây ảnh hưởng phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tạm thời thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định trên.

4. Trường hợp hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (gọi tắt là cơ sở) có đăng ký kinh doanh, có nộp thuế đầy đủ tại nơi có đăng ký kinh doanh nhưng không thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính theo chế độ Nhà nước quy định thì không thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều này mà hỗ trợ theo doanh thu bình quân tính thuế như sau:

Doanh thu dưới từ 100.000.000 đồng/năm trở xuống, hỗ trợ một lần bằng 2.400.000 đồng/cơ sở;

Doanh thu từ trên 100.000.000 đồng/năm, hỗ trợ một lần bằng 4.800.000 đồng/cơ sở; ✓

Việc xác định doanh thu của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do cơ quan thuế chịu trách nhiệm.

5. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê lao động theo hợp đồng khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian trợ cấp tối đa không quá 6 tháng.

6. Phương thức chi trả các khoản tiền hỗ trợ nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 19. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (tiết b điểm 1 khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; khoản 3 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT)

1. Đối với các phường thuộc thành phố Sơn La: Bằng năm (05) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Đối với thị trấn thuộc huyện, khu vực trung tâm hành chính các huyện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Bằng bốn (04) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Các xã thuộc thành phố Sơn La và các xã thuộc các huyện: Bằng ba (03) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

4. Trường hợp người được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề thì được đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; được tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm, vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, các phòng, ban có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu, lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất. Việc lấy ý kiến được thực hiện đồng thời khi lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan.

d) Trên cơ sở cơ chế, chính sách của Trung ương, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề, ưu đãi vay vốn tín dụng cho người thu hồi đất nông nghiệp trong trường hợp này để áp dụng thống nhất trong toàn tỉnh.

Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở (khoản 3 Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ quy định như sau:

- a) Hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ đối với các xã thuộc huyện, thành phố;
- b) Hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ đối với các thị trấn thuộc các huyện;
- c) Hỗ trợ 50.000.000 đồng/hộ đối với các phường thuộc thành phố Sơn La.

2. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, người bị thu hồi đất còn trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề thì được đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn trong tỉnh; được tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm, vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Quy định này.

3. Việc hỗ trợ theo khoản 1 và khoản 2 Điều này chỉ được áp dụng đối với các trường hợp đã kinh doanh, dịch vụ ổn định trước thời điểm thông báo thu hồi đất và có đăng ký kinh doanh hoặc đóng thuế môn bài.

Điều 21. Hỗ trợ khác (Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

Ngoài việc hỗ trợ theo quy định hiện hành, căn cứ vào tình hình tại địa phương để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất; người bị thu hồi đất còn được xem xét hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ cho các hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước (có xác nhận của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội) phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi đất, được hỗ trợ như sau:

- a) Người hoạt động cách mạng trước năm 1945, anh hùng lực lượng vũ trang, bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lao động, thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng và thương binh, bệnh binh, người đang hưởng chính

sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên: Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ.

b) Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 61% đến dưới 81%: Mức hỗ trợ 5.500.000 đồng/hộ.

c) Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 41% đến dưới 61%: Mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ.

d) Gia đình liệt sỹ, người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 21% đến dưới 41%: Mức hỗ trợ 4.500.000 đồng/hộ.

đ) Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khác của Nhà nước trừ các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, khoản 1 khoản 2 Điều này: Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng.

Trường hợp một hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ nêu tại khoản 1 Điều này mà có nhiều tiêu chuẩn được hỗ trợ thì chỉ được xét hưởng ở một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Hộ gia đình có giấy chứng nhận hộ nghèo bị thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở hoặc ngừng sản xuất kinh doanh: Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ.

3. Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng

Người sử dụng đất bị thu hồi đất bàn giao đúng tiền độ thì được thưởng như sau:

3.1. Đối với đất bị thu hồi không có nhà ở, công trình xây dựng: Mức thưởng tính bằng 5% giá trị bồi thường đất đai và tài sản trên đất (không tính các khoản hỗ trợ), mức thưởng tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ.

3.2. Đối với đất bị thu hồi có nhà ở, công trình xây dựng

a) Trường hợp bị phá toàn bộ nhà ở và công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt, toàn bộ nhà sản xuất kinh doanh: 10.000.000 đồng/hộ chính chủ.

b) Trường hợp bị phá dỡ một phần nhà ở và công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt, nhà sản xuất kinh doanh: 5.000.000 đồng/hộ chính chủ.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì được thưởng thêm bằng 50% mức quy định tại tiết a, tiết b điểm 3.2 khoản 3 Điều này.

3.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thưởng theo đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác (kể cả trường hợp thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở) thì trong thời gian tạo lập chỗ ở mới được hỗ trợ như sau:

4.1. Được bố trí vào nhà ở tạm do nhà nước xây dựng thì không được nhận tiền hỗ trợ thuê nhà.

4.2. Trường hợp tự lo đi thuê nhà ở trong thời gian tạo lập chỗ ở mới thì được hỗ trợ tiền thuê nhà, thời gian hỗ trợ là 06 tháng, mức hỗ trợ.

a) Tại địa bàn các phường thuộc thành phố Sơn La:

- Hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở xuống: 2.000.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 3.500.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng/nhân khẩu.

b) Tại địa bàn thị trấn, trung tâm hành chính huyện (theo quy hoạch đô thị)

- Hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở xuống: 1.500.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 3.000.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng/nhân khẩu.

c) Tại địa bàn các xã còn lại

- Hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở xuống: 1.000.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 2.000.000 đồng/tháng/hộ.
- Hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng/nhân khẩu.

4.3. Trường hợp hết thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà ở quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này mà hộ gia đình, cá nhân chưa được Nhà nước giao đất để xây dựng nhà ở thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung thời gian hỗ trợ thêm tiền thuê nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân; thời gian bổ sung thêm tối đa không quá 06 tháng.

4.4. Hỗ trợ làm lán trại tạm (đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở, được bố trí tái định cư hoặc giao đất ở tại khu, điểm tái định cư và các trường hợp tái định cư tự lo chỗ ở), mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ. Các hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ làm lán trại tạm không được hỗ trợ tiền thuê nhà.

5. Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục về nhà mới (đối với hộ bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở). Mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

6. Hỗ trợ phí, lệ phí chính lý biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng cho người bị thu hồi đất. Mức hỗ trợ theo mức quy định thu phí, lệ phí của cấp có thẩm quyền.

7. Hỗ trợ thiệt hại trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

a) Đất có nhà ở và các loại đất khác (trừ điểm b, điểm c khoản này) trong hành lang bảo vệ an toàn nếu không đủ điều kiện bồi thường thì được hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường về đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

b) Đất trồng cây lâu năm, đất rừng trồng sản xuất không đủ điều kiện được bồi thường thì được hỗ trợ bằng 30% giá đất bồi thường về đất cùng loại, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

c) Đất trồng cây hàng năm không đủ điều kiện được bồi thường thì được hỗ trợ bằng 20% giá đất bồi thường, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

d) Khi hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng thì phần diện tích đất có nhà ở còn lại cũng được hỗ trợ theo quy định điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

8. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp không được bồi thường quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 thì được hỗ trợ về đất bằng 01 (một) lần giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Trường hợp đất đang sử dụng có được do các hành vi lấn, chiếm đất của các tổ chức, lấn chiếm đất chưa sử dụng và các hành vi vi phạm khác mà tại thời điểm vi phạm đã có văn bản ngăn chặn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng vẫn cố tình vi phạm thì không được hỗ trợ.

9. Hỗ trợ khác đối với nhà, công trình xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất; trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất

9.1. Nhà, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng không đúng mục đích sử dụng đất.

a) Xây dựng trên đất vườn, ao gắn liền với đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

b) Xây dựng trên đất nông nghiệp (không phải là vườn, ao gắn liền với đất ở) nhưng không phục vụ sản xuất nông nghiệp trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

c) Xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì không được hỗ trợ.

9.2. Nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất.

a) Xây dựng trước 15 tháng 10 năm 1993 thì hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

d) Xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì không được hỗ trợ.

9.3. Trường hợp nhà, công trình quy định tại điểm 9.1 và 9.2 khoản 9 Điều này khi xây dựng mà có biên bản xử lý vi phạm về đất đai hoặc trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền (trong biên bản có nội dung đình chỉ không được xây dựng hoặc yêu cầu phải tháo dỡ công trình trả lại nguyên trạng ban đầu) thì việc hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển như sau:

a) Xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do UBND tỉnh quy định;

b) Xây dựng từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì không được hỗ trợ.

9.4. Trường hợp không có trong đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị nhà, công trình theo thực tế, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Hỗ trợ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, phải di chuyển nhà ở nhưng còn tài sản là công trình phục vụ sinh hoạt (gắn với nhà ở) nằm ngoài cọc giải phóng mặt bằng bị ảnh hưởng. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% đơn giá bồi thường tài sản cùng loại theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ.

11. Hỗ trợ ao, bể nuôi trồng thủy sản (bờ ao, đáy ao, bể nuôi)

a) Bờ ao xây tính bằng đơn giá bồi thường kê xây bằng gạch hoặc bằng đá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Đáy ao đổ bê tông hoặc bằng gạch vỡ lát xi măng hoặc lát gạch chỉ tính bằng đơn giá bồi thường sân phơi tương ứng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Bể nuôi trồng thủy sản xây toàn bộ, nền đổ bằng bê tông hoặc bằng gạch vỡ lát bằng xi măng chỉ tính bằng đơn giá bồi thường bể tương ứng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

12. Hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhỏ hơn 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất như sau:

a) Không phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 03 tháng; phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 06 tháng; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế

- xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 09 tháng.

b) Mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Giá gạo tính hỗ trợ là giá gạo tẻ trung bình ở địa phương tại thời điểm hỗ trợ. Đối với nhân khẩu chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

13. Hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, có đề nghị được bồi thường bằng đất, nhưng không có quỹ đất để bồi thường bằng đất, mà bồi thường bằng tiền, vẫn còn diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở nơi khác thì được hỗ trợ ổn định sản xuất như hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 18 quy định này.

14. Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian xây dựng lại nhà ở: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có nhà trên đất phải phá dỡ và phải làm lại nhà ở tại địa điểm khác được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tính theo giá gạo tẻ trung bình của địa phương tại thời điểm hỗ trợ, thời gian hỗ trợ là 06 tháng. Đối với nhân khẩu chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

15. Đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở theo quy định khi Nhà nước thu hồi đất nếu đủ điều kiện bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ, mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở theo từng vị trí đất ở của thửa đất đó tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp diện tích đất vườn, ao bị thu hồi lớn hơn 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì chỉ được hỗ trợ tối đa bằng 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương; phần diện tích vượt 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thực hiện hỗ trợ theo quy định.

Diện tích đất vườn, ao đã được hỗ trợ trong trường hợp này thì không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định. Trường hợp giá trị hỗ trợ đất vườn, ao thấp hơn giá trị hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và không hỗ trợ đất vườn, ao.

16. Ngoài các khoản nêu trên, các trường hợp cụ thể do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. ✓

Chương IV

TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 22. Suất tái định cư tối thiểu (khoản 3 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở (đối với nơi có đủ quỹ đất ở để bố trí tái định cư), bằng nhà ở (đối với nơi xây dựng nhà ở để bố trí tái định cư) hoặc bằng tiền (đối với nơi không có điều kiện về quỹ đất ở, quỹ nhà ở để bố trí tái định cư), cụ thể:

1. Đất ở tái định cư:

a) Khu vực đô thị, khu vực trung tâm hành chính các huyện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng: 50 m²;

b) Khu vực nông thôn: 60 m².

2. Nhà ở tái định cư: 40 m².

3. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho một suất tái định cư tối thiểu bằng giá đất tại vị trí khu tái định cư khi nhà nước giao đất nhân (x) diện tích suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; việc quản lý, sử dụng đất sau khi đã giải phóng mặt bằng; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong khu tái định cư.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

d) Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất và phương án giá đất; xây dựng tờ trình về việc đề nghị quyết định giá đất tính tiền bồi thường.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bổ sung cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. ✓

b) Thẩm định dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án theo thẩm quyền;

c) Kiểm tra, hướng dẫn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

d) Hướng dẫn việc xác định giá gạo để tính hỗ trợ của các huyện, thành phố; việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi khấu hao vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định quỹ đất xây dựng nhà ở tái định cư phù hợp với quy hoạch xây dựng, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn phương pháp xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản là nhà, công trình, vật kiến trúc; đơn giá xây dựng một số công trình để xác định giá bồi thường theo quy định chuyên ngành; giải quyết khó khăn vướng mắc, phát sinh thuộc thẩm quyền quản lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư, nhà ở tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư, theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách đáp ứng nhu cầu vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đầu tư xây dựng khu dân cư mới, khu tái định cư.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Kiểm tra, hướng dẫn việc áp dụng các quy định về bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc, phát sinh thuộc ngành quản lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động trên địa bàn toàn tỉnh;

b) Hướng dẫn thực hiện quy định của nhà nước về mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với người lao động thuộc các hộ bị thu hồi đất.

c) Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đối với gia đình chính sách, hộ nghèo; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc, phát sinh thuộc ngành quản lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Các Sở: Giao thông vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông

Kiểm tra, hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền nhiệm vụ được giao và những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ thuộc ngành quản lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Thanh tra tỉnh

a) Xác minh, kết luận và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo khi được giao.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết đơn thư có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

9. Cục thuế tỉnh

a) Chỉ đạo Chi cục thuế các huyện, thành phố xác định mức thu nhập sau thuế của các tổ chức, hộ sản xuất kinh doanh khi có văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng.

b) Hướng dẫn xác định các khoản nghĩa vụ tài chính về đất thuộc phạm vi của ngành quản lý có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản thu hồi về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định thu hồi đất;

c) Chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng cấp lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất theo thẩm quyền. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, gắn với sự giám sát của người dân trong quá trình thực hiện;

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức và chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, phương án tạo lập các khu tái định cư tại địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội lập phương án đào tạo, chuyển đổi và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền;

g) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

11. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức được giao làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, các đoàn thể để phổ biến và tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nhân khẩu nông nghiệp và việc tranh chấp đất đai theo quy định; xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, loại đất, phần trăm diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của từng dự án; thời điểm xây dựng, tạo lập tài sản; quá trình sử dụng và tính hợp pháp của các công trình, tài sản tạo lập trên đất thu hồi.

c) Phối hợp với các cơ quan, bộ phận liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của quy định này.

d) Bảo quản tài sản đối với trường hợp cưỡng chế mà người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản.

12. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 68; điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 điểm b, c, d, khoản 3 và khoản 4 Điều 69; điểm a khoản 2 Điều 70 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

b) Trực tiếp thực hiện toàn diện các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các nhiệm vụ, công việc khác được cấp có thẩm quyền giao.

13. Chủ đầu tư

a) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

14. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có đất thu hồi

Khi có thông báo chủ trương thu hồi đất, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và đúng thời gian về kê hoạch thu hồi đất, kê khai diện tích, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản hiện có trên đất, kê khai số nhân khẩu, số lao động, các thông tin khác có liên quan và đề đạt nguyện vọng tái định cư (nếu có) theo hướng dẫn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. ✓

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những nội dung chưa phù hợp, phát sinh, khó khăn, vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các sở, ban, ngành có liên quan và các chủ đầu tư kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh